

Số: 02/2024/HSST-QĐ

Lâm Đồng, ngày 05 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ các Điều 45, 277 và 280 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 83/2023/TLST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2023;

Xét thấy: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, Cáo trạng Viện kiểm sát thấy rằng;

- Tại vụ thứ 3: Chiếm đoạt tiền của ông Hoàng Văn Hùng, bà Trần Thị Loan số tiền 2.500.000.000 đồng thì bà Hoàng Thị Diệu H, sinh năm 1990, trú tại 3 Nguyên Tử L, Phường H, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng là bạn của L, L đã nhờ H đứng ra xác nhận H là chủ lô đất, đang muốn bán với giá 5,2 tỷ đồng; mặc dù H không có đất, không phải chủ lô đất nhưng H đã đi cùng L, M, V đến nhà gặp bố, mẹ, em gái H1. H xác nhận với gia đình H1 bản thân là chủ lô đất 1,4 sào ở đường N, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng muốn bán với giá 5,2 tỷ đồng, bị can L đã cùng gia đình H1 nói chuyện và thương lượng giá cả với H là 4.950.000.000đ; bị can L thỏa thuận với gia đình H1 là H1 sẽ góp vốn 2 tỷ đồng, phần còn lại của L; sau đó H1 đã đưa cho H 02 tỷ đồng tiền mặt cho H. H, H1, L cùng ghi giấy tờ mua bán 1,4 sào đất, H cầm tiền ra khỏi nhà H1 và đưa 02 tỷ đồng cho L; sau đó L trả cho H 25 triệu đồng tiền công.

Như vậy, mặc dù không phải chủ lô đất nhưng H đã giúp L xác nhận là chủ lô đất, trực tiếp gặp gia đình H1 thỏa thuận việc mua bán đất, nhận 2 tỷ đồng từ bị hại H1 và đưa lại cho L và hưởng lợi 25 triệu đồng. Hành vi của Hoàng Thị D H có dấu hiệu đồng phạm với các bị cáo L, M và V. Đồng thời, về số tiền chiếm đoạt, do L đang nợ bà P 1,5 tỷ đồng, bà P yêu cầu trả tiền gốc, tiền lãi nên L đã mang 02 sổ đất của bà L1 cầm cố với giá tiền là 02 tỷ đồng, do L đang nợ 1,5 tỷ đồng, bà P đưa 500 triệu đồng. Về số tiền chiếm đoạt, ông Hoàng Văn H2, Trần Thị L2 chỉ bị chiếm đoạt 2 tỷ đồng; còn 500 triệu đồng là do bà P đưa cho L, nên cần xem lại số tiền chiếm đoạt và bị hại bị chiếm đoạt trong vụ này.

Do đó, cần phải trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng điều tra các vấn đề nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Trả hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 83/2023/TLST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2023 đối với bị can: **Phan Thị Kim L3** (tên gọi khác: Bưởi); sinh năm 2001 tại tỉnh Lâm Đồng; nơi ĐKKHKT: Tổ C, Khu phố D, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Không; cùng các đồng phạm trong vụ án.

Các bị can Phan Thị Kim L3, Nguyễn Ngọc Huyền M1, Huỳnh Nguyễn Hà V1 bị truy tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều Bộ luật Hình sự.

Cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng để điều tra bổ sung các vấn đề đã nêu ở trên./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (kèm hồ sơ);
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Duy Hoài

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2024/HSST-QĐ

Lâm Đồng, ngày 29 tháng 01 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

Căn cứ các Điều 45, 277 và 280 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 69/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2023;

Xét thấy: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án thấy rằng;

+ Về tội danh, bỏ lọt tội phạm:

- Tại vụ thứ 1: Lê Đình S đã nhờ Trần Võ Phú Q và Nguyễn T, thuê xe ô tô Ford Everest mang BKS: 49A - 161.68 của bà Nguyễn Thị Minh T1. Khi thuê xe, Trần Võ Phú Q sử dụng CMND tên Trần Võ Phú Q và sổ hộ khẩu của gia đình Q; còn Nguyễn T sử dụng giấy phép lái xe của T để thuê xe. Sau khi thuê được

xe, Q và T giao xe lại cho S, S đã trả cho bà T1 121.000.000đ tiền thuê xe. Sau đó, S đã liên hệ với D1 (chưa rõ nhân thân lai lịch) để nhờ D1 làm giả các giấy tờ: Đăng ký xe ô tô Ford Everest BKS: 49A- 161.68; CMND mang tên chủ xe nhưng dán hình của S. Sau khi có được giấy tờ giả, ngày 30/7/2019, S đưa xe ô tô đến cầm cho ông Dương Đức T2, số tiền 300.000.000đ (*ba trăm triệu đồng*).

Trong vụ án này, cần điều tra, đối chất làm rõ ý thức của Trần Võ Phú Q và Nguyễn T có biết mục đích S thuê xe để mang đi cầm cố hay không? Để tránh bỏ lọt người phạm tội (*Tại vụ thứ 10, Trần Võ Phú Q cũng là người đứng ra làm giấy tay mua bán xe với chủ xe, do xe đang thế chấp ngân hàng, bản chính giấy tờ ngân hàng giữ, sau đó S làm giả giấy tờ mang đi cầm cố*). Nếu Trần Võ Phú Q và Nguyễn T không biết, do tin tưởng S nên đi thuê xe và cho S mượn lại thì hành vi của S cũng đã phạm tội nên cần điều tra làm rõ để xử lý hành vi chiếm đoạt xe ô tô nói trên.

Trong hồ sơ vụ án; lời khai của Nguyễn T (bút lục 1819-1823) khai, lúc giáp tết năm 2019 S gọi điện nhờ T lên Đ để S mượn bằng lái để thuê xe, T đồng ý và S cùng một người tên B (Trần Võ Phú Q) đến nhà đón T lên Đ cùng thuê xe Ford Everest mang BKS: 49A - 161.68, sau khi thuê xe xong thì S sử dụng. Tâm mừng 10 tết T bỏ đi khỏi Đức Trọng vì cầm xe ô tô do T thuê nhưng không có tiền chuộc;

Lời khai của Trần Võ Phú Q (bút lục 1824-1827) khai Q đi học nghề máy đào với S, thì S nói mang giấy tờ đi thuê xe để đi lại cho tiện nên cùng S, T đi thuê xe Ford Everest mang BKS: 49A - 161.68, sau khi thuê được xe thì S và T sử dụng, Q không sử dụng, không trả tiền thuê xe.

Vụ thứ 10: Q khai (126-127) S nhờ đứng tên mua lại xe ô tô Innova của chị Lan A, sau khi đứng tên giúp S thì giao lại xe cho S, S sử dụng xe ra sao thì Q không biết.

- Tại vụ thứ 4: Ngày 18/01/2019, Lê Đình N (em trai Lê Đình S) thuê 01 chiếc xe ô tô hiệu Kia Carens, biển số: 49A-064.74 của bà Nguyễn Thị Xuân D2, khi cho thuê xe bà D2 giao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật bản chính cho N. Sau khi thuê được xe Phạm Đăng S1 nói N cho mượn xe đi công việc, N đồng ý cho S1 mượn xe và giao xe ô tô biển số 49A – 064.74 cùng với giấy chứng nhận đăng ký xe, Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật cho S1; 02 ngày sau (Ngày 20/01/2019), S1 tự viết 01 giấy mua bán xe rồi mang xe và các giấy tờ trên đi cầm đồ tại tiệm cầm đồ của ông Nguyễn Văn T3 ở xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Khi cầm xe, S1 nói với ông T3 là xe trên mua lại của người quen chưa làm thủ tục sang tên, ông T3 tin tưởng nên

đồng ý cầm xe với số tiền: 140.000.000 đồng, S1 sử dụng số tiền này để tiêu xài cá nhân hết.

Tại vụ thứ 4 này, chưa tiến hành đối chất làm rõ, chỉ có lời khai của N tại bút lục 985-986, N khai sau khi mượn xe S1 hỏi mượn xe đi công việc thì N cho mượn, S1 đi đâu, làm gì thì không rõ, sau đó S1 trả tiền thuê xe trực tiếp cho bà D2.

Tại vụ thứ 13: Ngày 25/6/2019, Lê Đình N (em trai của bị cáo Lê Đình S) thuê 01 chiếc xe ô tô Kia Sedona, màu trắng, biển số: 49A-132.48 của ông Phạm Minh D3 tại Đ. Khi thấy N sử dụng xe trên, Phạm Đăng S1 nói Lê Đình T4 chụp hình thẻ gửi cho S1 để S1 làm giả các giấy tờ. S1 đặt làm giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả tên Lê Quang P1. Sau khi có giấy tờ giả, S1 nói với N cho S1 mượn xe đi công việc. Ngày 14/7/2019, S1 cùng với Lê Đình T4 đi xe ô tô 49A-132.48 và giấy tờ trên đến tiệm C1 tại thị trấn T, huyện Đ, cầm xe cho ông Lê Minh T5 được 700.000.000 đồng, S1 ký nhận trong hợp đồng cầm cố tên Lê Quang P1, S1 đã đưa cho T4 số tiền 36.000.000 đồng nhờ T4 đưa cho Lê Đình N để trả tiền thuê xe cho ông D3, số tiền còn lại S1 sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Sau khi cầm xe thì S1 và T4 báo cho N biết đã cầm xe nhưng không nói cầm ở đâu, cho ai, như thế nào.

Tại vụ thứ 14: Ngày 29/06/2019, Lê Đình N thuê của bà Nguyễn Thị Minh T1 chiếc xe ô tô INNOVA biển số 49A-131.29 với giá 800.000đ/ngày. Đến ngày 24/07/2019, bà T1 không thể liên lạc được với N nên dò theo hệ thống định vị gắn trên xe thì phát hiện chiếc xe đang được để trong kho của tiệm cầm đồ Kim O ở thôn D, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Chiếc xe này do S1 và S mang đến đổi chiếc xe Ford ranger 48C055.09 đã cầm cố trước đó cho bà O.

Tại vụ thứ 4, vụ thứ 13: Cần điều tra làm rõ vai trò của Lê Đình N, cả 02 vụ N sau khi thuê được xe liền giao cho S1, S1 làm giấy tờ giả mang đi cầm cố, sau khi cầm cố có nhận tiền của S1 để trả tiền thuê xe; nếu N không có vai trò gì trong vụ án, thì cả 02 vụ này, Phạm Đăng S1, Lê Đình T4 (vụ 13) có dấu hiệu phạm tội như vụ số 1 nên cũng cần điều tra để xử lý hành vi chiếm đoạt xe ô tô nói trên.

Riêng tại vụ thứ 14: Cần phải điều tra, đối chất làm rõ, Lê Đình N thuê xe bà D2 và giao lại cho S1 và S như thế nào, để tránh bỏ lọt người phạm tội.

- Tại vụ thứ 10: Lê Đình S nhờ Trần Thị Thùy D4 SN: 2001, HKTT: Xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (là người quen biết với S) mang xe ô tô 49A-244.89 đi cầm đồ để lấy tiền. S nói Thùy D4 đưa cho S 01 tấm hình thẻ 3x4, sau khi có hình thẻ của Thùy D4, S đã liên hệ với đối tượng tên D1 (không rõ lai lịch) ở Đ để D1 làm giả giấy tờ xe ô tô Toyota Inovar BKS 49A-244.89 gồm: CMND mang tên Trần Thị Lan A1 nhưng dán hình của Thùy D4, giấy đăng ký xe ô tô Toyota Inova

BKS 49A-244.89 giả. Sau khi có giấy tờ xe và CMND giả thì S nhờ Thùy D4 đi cầm xe với S, Thùy D4 có hỏi thì S nói xe của vợ S, vợ S không cho cầm nên S nhờ D4 đi ký giấy tờ dùm sang. Vì tin người tên Lan A1 là vợ của sang nên Thùy D4 đã đồng ý giúp S. S điều khiển xe 49A-244.89 chở Thùy D4 đến tiệm C1 (huyện Đ) để cầm cho Lê Minh T5. S đã đưa các giấy tờ xe cho ông T5 kiểm tra, sau khi kiểm tra các giấy tờ xe thì S nói với Thùy D4 ký vào hợp đồng cầm xe, khi ký giấy tờ, Thùy D4 đã ký tên là Trần Thị Lan A1 vào hợp đồng cầm đồ như S đã dẫn trước. Ông T5 giữ lại bản photocopy giấy CMND và giấy tờ xe gồm giấy kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, giấy đăng ký xe ô tô và giao số tiền 550 triệu cho S. Số tiền này sang đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại vụ án này, Thùy D4 biết rõ là giấy tờ giả gắn hình ảnh của D4 nhưng vẫn thực hiện, vì tin người tên Lan A1 là vợ của sang nên Thùy D4 đã đồng ý giúp; Cáo trạng cho rằng D4 không đồng phạm về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” với S; với hành vi của D4 cần điều tra, đối chất làm rõ có đồng phạm về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” hay không? Đồng thời, hành vi của D4 có dấu hiệu của tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Trong hồ sơ, chưa tiến hành làm việc với Thùy D4, chỉ có biên bản làm việc ngày 18/8/2020 (bút lục 1856-1857), ghi nhận sự việc khi làm việc thì D4 im lặng không khai báo, không tự viết bản tự khai, sau đó D4 bị vỡ ối nên phải đưa D4 vào trung tâm y tế huyện Đ thăm khám và chấm dứt biên bản sự việc.

- Tại vụ thứ 19: Chiếc xe Innova, màu xám bạc, biển số: 49A - 023.12 là của bà Võ Thị Thanh V2, sinh năm 1975. Vào ngày 06/5/2019, bà V2 cho đối tượng tên Đoàn Mạnh Q1 thuê xe, đến hết thời hạn thuê xe thì Q1 không trả xe và không liên lạc được.

Theo Cáo trạng thì Phạm Đăng S1 mua chiếc xe này từ 1 người tên D1 (không rõ nhân thân), kèm theo giấy đăng ký pho tô; S1 làm giả giấy tờ và cùng T4, T6 mang đi cầm cố và bị phát hiện.

Tại vụ án này, chưa tiến hành điều tra, đối chất làm rõ Đoàn Mạnh Q1 là ai? Sau khi thuê xe đã cho mượn hay bán lại xe cho ai để xử lý theo quy định.

Trong hồ sơ, chỉ có 01 biên bản xác minh tại Công an P3, Đ, không xác minh được đối tượng Đoàn Mạnh Q1 và chấm dứt các hoạt động điều tra khác.

- Tại vụ thứ 3: Lê Đình S đã sử dụng giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Trung T7, sinh năm 1982 (ngụ tại: khu phố H - TP ., tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu) dán hình S rồi đi thuê xe. Tại vụ thứ 7: Ngày 24/5/2019, Phạm Đăng S1 cùng đối tượng tên Nguyễn Vương Tuấn K đến dịch vụ cho thuê xe của bà Nguyễn Thị Minh T1, K là người ký thuê xe, S1 dùng CMND, Sổ hộ khẩu của S1 bảo lãnh.

Tại vụ thứ 12: Ngày 23/6/2019, Phạm Đăng S1 cùng với Nguyễn Vương Tuấn K đến dịch vụ cho thuê xe tự lái của bà Nguyễn Thị Minh T1 ở Đ, Phường H, Đ thuê xe ô tô Suzuki Ertiga biển số 49A - 152.50, giá thuê 1 triệu/1 ngày, K ký người thuê xe, còn Phạm Đăng S1 ký người bảo lãnh; Vụ thứ 18: Ngày 24/7/2019, Lê Đình S và một người sử dụng giấy chứng minh nhân dân Đặng Huy P2 (hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch) và Sổ hộ khẩu phô tô Lê Thị H3 (mẹ Lê Đình S) đến dịch vụ cho thuê xe tự lái của bà Nguyễn Thị Minh T1 tại địa chỉ 1 đường T Phường H, Tp Đ, tỉnh Lâm Đồng, S và P2 thuê xe ô tô. Khi thuê xe có làm hợp đồng, P2 ký bên thuê, S ký người đứng nhận xe cùng.

Trong hồ sơ vụ án, có 1 biên bản xác minh (bút lục 1913) xác minh Nguyễn Vương Tuấn K và Đặng Huy P2 tại Công an thị trấn L, kết quả không xác minh được, ngoài ra, không có hoạt động điều tra gì thêm khác.

Cần phải điều tra làm rõ, các đối tượng Lê Trung T7, Nguyễn Vương Tuấn K và Đặng Huy P2 có vai trò gì trong các vụ án này hay không? tránh bỏ lọt người phạm tội.

+ Về xác định tư cách tham gia tổ tụng: Theo tội danh “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố.

Tại các vụ 1, vụ 4, vụ 5, vụ F, vụ 10, vụ 13, vụ 14, vụ A, vụ 16, Cáo trạng xác định chủ cầm đồ là bị hại, chủ xe là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chưa phù hợp theo Bản án hình sự phúc thẩm số 350/2022/HSPT ngày 20/5/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định bị hại là chủ xe, chủ tiệm cầm đồ là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ, án vụ Bùi Văn T8, Nguyễn Thanh T9, Lô Văn D5 cũng thực hiện các hành vi tương tự như trong vụ án này cùng bị cáo Lê Đình S.

Bản án phúc thẩm 350/2022/HSPT ngày 20/5/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nhận định như sau:

Hành vi của các bị cáo trước hết là nhằm vào chủ xe ô tô và ô tô, phải chiếm đoạt được xe ô tô sau đó mới có điều kiện dùng xe làm phương tiện để trao đổi lấy tiền của chủ hiệu cầm đồ, chủ xe là người bị lừa, bị chiếm đoạt tài sản đầu tiên, giá trị tài sản thiệt hại lớn.

Đối với chủ tiệm cầm đồ, các bị cáo làm giả giấy tờ rồi gắn ảnh thật của các bị cáo lừa chủ tiệm cầm đồ, khiến cho chủ tiệm cầm đồ tưởng là người thật, giấy tờ thật nên đã nhận xe và giao tiền cho các bị cáo. Các chủ hiệu cầm đồ cũng bị lừa dối trong quan hệ dân sự dịch vụ nhận vật – đưa tiền, chủ tiệm cầm đồ trao tiền cho các bị cáo song lại nhận xe ô tô với giá trị cao hơn, thể hiện sự trao đổi về tài sản. Vì vậy, chủ tiệm cầm đồ là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Do vậy, cần phải trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng điều tra các vấn đề trên để tránh bỏ lọt tội phạm, xác định đúng tư cách những người tham gia tố tụng để giải quyết triệt để vụ án, tránh ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của những người tham gia tố tụng.

QUYẾT ĐỊNH:

Trả hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 69/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2023 đối với bị can: **Lê Đình S**, (tên gọi khác: Cu Ba Đ); sinh năm: 1985; nơi sinh: Lâm Đồng; nơi ĐKKHKT: 22/10 P, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Không cùng các đồng phạm trong vụ án.

Các bị can Lê Đình S, Phạm Đăng S1, Hoàng Anh V3, Dương Văn T10 bị truy tố về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm a, b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Bị can Nguyễn Bá K1 bị truy tố về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức, tội sử dụng tài liệu giả của Cơ quan tổ chức*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Các bị can Lê Đình T4, Phạm Văn H4 về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Sử dụng tài liệu giả của Cơ quan tổ chức*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng để điều tra bổ sung các vấn đề đã nêu ở trên./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (kèm hồ sơ);
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu Toà án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Duy Hoài

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2022/HSST-QĐ

Lâm Đồng, ngày 23 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ vào Điều 45, 277 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2022/HS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022;

Xét thấy: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng có Công văn số: 198/CV-VKS-P2 ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc xin rút hồ sơ vụ án, vì hiện nay đã bắt được đối tượng Lê Đình S; nhằm đảm bảo giải quyết vụ án triệt để, khách quan nên trả hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng để giải quyết theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Trả hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2022/HS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo **Phạm Văn H4**, sinh năm 1994 tại tỉnh Đắk Nông; nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Lao động tự do.

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng truy tố về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức*” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng để điều tra bổ sung những vấn đề đã nêu ở trên./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh (kèm hồ sơ vụ án);
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Duy Hoài

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 13/2022/HSST-QĐ

Lâm Đồng, ngày 23 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ vào Điều 45, 277 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2022/HS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2022;

Xét thấy: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng có Công văn số: 198/CV-VKS-P2 ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc xin rút hồ sơ vụ án, vì hiện nay đã bắt được đối tượng Lê Đình S; nhằm đảm bảo giải quyết vụ án triệt để, khách quan nên trả hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng để giải quyết theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Trả hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2022/HS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo **Phạm Đăng S1** (tên gọi khác: B1), sinh năm 1991 tại tỉnh Lâm Đồng; nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn Q, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Không và đồng phạm.

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng truy tố về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức*” theo quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng để điều tra bổ sung những vấn đề đã nêu ở trên./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh (kèm hồ sơ vụ án);
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Duy Hoài

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/2022/HSST-QĐ

Lâm Đồng, ngày 23 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ vào Điều 45, 277 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2022/HS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2022;

Xét thấy: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng có Công văn số: 198/CV-VKS-P2 ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc xin rút hồ sơ vụ án, vì hiện nay đã bắt được đối tượng Lê Đình S; nhằm đảm bảo giải quyết vụ án triệt để, khách quan nên trả hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng để giải quyết theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Trả hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2022/HS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo **Phạm Đăng S1** (tên gọi khác: B1), sinh năm 1991 tại tỉnh Lâm Đồng; nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn Q, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Không và đồng phạm.

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng truy tố về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức*” theo quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng để điều tra bổ sung những vấn đề đã nêu ở trên./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh (kèm hồ sơ vụ án);
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Duy Hoài

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/2022/HSST-QĐ

Lâm Đồng, ngày 29 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ vào Điều 45, 277 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2022/HS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2022;

Xét thấy: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, bị cáo H5 có hành vi đưa ra thông tin gian dối nhận số tiền 500.000.000đ của chị H và anh L4; sau đó H5 đã chuyển lại 400.000.000đ vào tài khoản của chị A2 để chị A2 trả lại cho chị H và Anh L4. Như vậy, hành vi bị cáo đã cấu thành tội phạm kể từ thời điểm bị hại chuyển tiền; nên Cáo trạng số 15/CT-VKS-P2 ngày 17/5/2022 loại bỏ số tiền 400.000.000đ đối với lần chiếm đoạt này là chưa phù hợp.

Đồng thời, cáo trạng cần phải kiểm tra, cộng số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại Trần T11,

Ngoài ra,

QUYẾT ĐỊNH:

Trả hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2022/HS-ST ngày 05 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo **Nguyễn Đoàn Quang V4**, sinh năm 1982; nơi ĐKHKTT: Khu phố Đ' Măng, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Lao động tự do.

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng truy tố về tội “*Hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân*” theo quy định tại khoản 1 Điều 109 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng để điều tra bổ sung những vấn đề đã nêu ở trên./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh
- (kèm hồ sơ vụ án);
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Duy Hoài

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../2022/HSST-QĐ

Lâm Đồng, ngày 29 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

Căn cứ vào Điều 45, 277 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2022/HS-ST ngày 05 tháng 8 năm 2022;

Xét thấy: Bị cáo Nguyễn Đoàn Quang V4 bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng truy tố về tội “*Hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân*” theo quy định tại khoản 1 Điều 109 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình; theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng Hình sự thì trường hợp này Cơ quan có thẩm quyền phải chỉ định người bào chữa cho bị can; theo hồ sơ vụ án thể hiện, bị can hoặc người thân thích của bị can không mời người bào chữa cho bị can, không thể hiện bị can Nguyễn Đoàn Quang V4 có từ chối luật sư bào chữa cho bị can hay không?

Do vậy, cần phải trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng để chỉ định người bào chữa cho bị can theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Trả hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2022/HS-ST ngày 05 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo **Nguyễn Đoàn Quang V4**, sinh năm 1982; nơi ĐKKHKT: Khu phố Đ' Măng, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Lao động tự do.

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng truy tố về tội “*Hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân*” theo quy định tại khoản 1 Điều 109 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng để điều tra bổ sung những vấn đề đã nêu ở trên./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh
(kèm hồ sơ vụ án);
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu Toà án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Duy Hoài

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/2022/HSST-QĐ

Lâm Đồng, ngày 29 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

TRẢ HỒ SƠ ĐỀ ĐIỀU TRA BỔ SUNG TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ vào Điều 45, 277 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2022/HS-ST ngày 05 tháng 8 năm 2022;

Xét thấy: Bị cáo Nguyễn Đoàn Quang V4 bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng truy tố về tội “*Hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân*” theo quy định tại khoản 1 Điều 109 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình; theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng Hình sự thì trường hợp này Cơ quan có thẩm quyền phải chỉ định người bào chữa cho bị can; theo hồ sơ vụ án thể hiện, bị can hoặc người thân thích của bị can không mời người bào chữa cho bị can, không thể hiện bị can Nguyễn Đoàn Quang V4 có từ chối luật sư bào chữa cho bị can hay không?

Do vậy, cần phải trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng để chỉ định người bào chữa cho bị can theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Trả hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2022/HS-ST ngày 05 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo **Nguyễn Đoàn Quang V4**, sinh năm 1982; nơi ĐKKHKT: Khu phố Đ' Măng, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Lao động tự do.

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng truy tố về tội “*Hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân*” theo quy định tại khoản 1 Điều 109 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng để điều tra bổ sung những vấn đề đã nêu ở trên./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh
(kèm hồ sơ vụ án);
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

THẨM PHÁN**Nguyễn Duy Hoài****TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2022/HSST-QĐ

*Lâm Đồng, ngày tháng 5 năm 2022***QUYẾT ĐỊNH****TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG****TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

Căn cứ vào Điều 45, 277 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2021/HS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2021;

Xét thấy: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng có Công văn số: 89/CV-VKS-P2 ngày 23 tháng 5 năm 2022 về việc xin rút hồ sơ vụ án; đồng thời qua nghiên cứu hồ sơ thấy rằng tại vụ việc phạm tội lần thứ 12 trong vụ án, chưa tiến hành đối chất để làm rõ các bị cáo trong vụ án này có đồng phạm với Lê Đình S và Phạm Văn H4 (hiện chưa bắt được) hay không? Ngoài ra, cần làm rõ hành vi phạm tội của các bị cáo ở lần phạm tội lần thứ 20 trong vụ án, các bị cáo đã chiếm đoạt được xe của bị hại hay chưa? Xác định lại tư cách tham gia tố tụng của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án cho đúng quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Trả hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 56/2020/HS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo **Phạm Đăng S1** (tên gọi khác: B1), sinh năm 1991 tại tỉnh Lâm Đồng; nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn Q, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Không và đồng phạm.

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng truy tố về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật

hình sự năm 2015 và tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức*” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng để điều tra bổ sung những vấn đề đã nêu ở trên./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh
- (kèm hồ sơ vụ án);
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Duy Hoài

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2022/HSST-QĐ

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ các Điều 45, 277 và 280 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 51/2021/TLST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2021;

Xét thấy: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án; tại Hồ sơ bệnh án của bị can Nguyễn Xuân V5 tại Bệnh viện T21 thì bị can Nguyễn Xuân V5 nhập viện điều trị 02 đợt (đợt 1: Từ ngày 18/6/2019 đến ngày 09/8/2019; đợt 2: Từ ngày 16/3/2020 đến ngày 12/5/2020) bệnh chuẩn đoán là rối loạn tâm thần (bút lục 182-200).

Tại biên bản làm việc với Trạm y tế P4, thành phố B ngày 03/6/2021 (bút lục 206) Trạm y tế không quản lý sức khỏe, không điều trị bệnh tâm thần cho bị can Nguyễn Xuân V5.

Tại biên bản làm việc với Trạm y tế phường L, thành phố B ngày 04/6/2021 (bút lục 207) Trạm y tế không quản lý sức khỏe, không điều trị bệnh tâm thần cho bị can Nguyễn Xuân V5.

Tại biên bản làm việc với ông Bùi Quang K2 – Tổ trưởng đồ dân phố 18, phường L, thành phố B ngày 04/6/2021; Bản nhận xét của ông Bùi Quang K2 ngày 04/6/2021 (bút lục 208-209) thì *“Từ năm 2019 đến nay Nguyễn Xuân V5 sinh sống tại địa phương, V5 ít tiếp xúc với mọi người xung quanh, không chào hỏi ai, có biểu hiện của người mắc bệnh tâm thần”*.

Tại biên bản làm việc với bà Lê Thị Kim N1, sinh năm 1976, địa chỉ: Số A N, tổ A, phường L, thành phố B là hàng xóm của bị can V5 vào ngày 03/6/2021; bản nhận xét bà Lê Thị Kim N1 ngày 04/6/2021 (bút lục 204-205) thì *“Bị can Nguyễn Xuân V5 ít tiếp xúc, nói chuyện với mọi người, V5 hay có biểu hiện của người mắc bệnh tâm thần”*.

Tại biên bản làm việc với bà Nguyễn Thị Ngọc L5, sinh năm 1983, địa chỉ: Số A, tổ A, phường L, B là hàng xóm của bị can V5 vào ngày 04/6/2021; bản nhận xét bà Nguyễn Thị Ngọc L5 ngày 04/6/2021 (bút lục 202-203) thì *“Bị can Nguyễn Xuân V5 ít tiếp xúc, nói chuyện với mọi người, V5 hay có hành vi đập phá đồ đạc, V5 hay có biểu hiện của người mắc bệnh tâm thần”*.

Tại bản báo cáo của bà Nguyễn Thị Xuân L6, sinh năm 1964, địa chỉ: A M, Phường B, thành phố B là mẹ ruột của bị can V5 vào ngày 01/6/2021 (bút lục 201) thì *“Từ tháng 02/2021 bị can V5 có biểu hiện tâm thần trở lại”*.

Ngày 04/5/2021 bị can Nguyễn Xuân V5 bắt đầu thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 206 của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định:

“Điều 206. Các trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định.

Bắt buộc phải trưng cầu giám định khi cần xác định:

1. Tình trạng tâm thần của người bị buộc tội khi có sự nghi ngờ về năng lực trách nhiệm hình sự của họ; tình trạng tâm thần của người làm chứng hoặc bị hại khi có sự nghi ngờ về khả năng nhận thức, khả năng khai báo đúng đắn về những tình tiết của vụ án”.

Do vậy, cần phải trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng để tiến hành trưng cầu giám định để xác định:

+ Về mặt y học: Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 04/5/2021, bị can Nguyễn Xuân V5 có bị tâm thần hay không? Nếu có thì bị tâm thần ở dạng nào? Có đủ năng lực trách nhiệm hình sự hay không?

+ Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 04/5/2021 và hiện nay, bị can Nguyễn Xuân V5 có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình hay không?

QUYẾT ĐỊNH:

Trả hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 51/2021/TLST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2021 đối với bị can: **Nguyễn Xuân V5**, sinh năm 1988 tại Lâm Đồng; nơi ĐKKHKT: Số A M, Phường B, thành phố B, Lâm Đồng; nơi cư trú: Số A N, phường L, thành phố B, Lâm Đồng; nghề nghiệp: Không.

Bị can Nguyễn Xuân V5 bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng truy tố về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng để điều tra bổ sung các vấn đề đã nêu ở trên./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (kèm hồ sơ);
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu Toà án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Duy Hoài

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2021/HSST-QĐ

Lâm Đồng, ngày 30 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ các Điều 45, 277 và 280 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2021;

Xét thấy: Ngày 15/9/2021 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng có Công văn xin rút lại hồ sơ vụ án để xác định lại bị hại trong vụ án; đồng thời qua nghiên cứu hồ sơ thấy rằng:

Theo Bản kết luận điều tra vụ án hình sự số 35/CSHS ngày 14/06/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L và Bản cáo trạng số 27-CT-VKS ngày 21/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng xác định bị hại trong vụ án gồm:

- Thứ nhất: Về các bị hại cho thuê xe; ông Trần Tuấn V6, sinh năm 1996, trú tại thôn B, xã H, huyện Đ cho thuê 01 xe ô tô hiệu Chevolet mang biển kiểm soát 49A-258.38 và ông Trương Phú T12, sinh năm 1989, trú tại phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương cho thuê 01 ô tô hiệu Ford Everst, biển số 61A-616.92;

các bị hại đã bị các bị can Bùi Văn T8, Nguyễn Thanh T9, Lô Văn D5 và Lê Đình S làm giả, sử dụng các giấy tờ giả để thuê xe ô tô của các bị hại rồi đem xe ô tô đi cầm cố cho người khác lấy tiền tiêu xài.

Tuy nhiên, tại các bút lục 151-152; 154-160; 170-170A thì ông Trương Phú T12 là chủ chiếc xe ô tô hiệu Ford Everst, biển số 61A-616.92 nhưng ông T12 đã ký hợp đồng cho thuê xe ô tô trên với Công ty TNHH MTV D6 vào ngày 01/6/2020 với thời hạn thuê là 06 tháng; bên nhận thuê xe (Công ty TNHH MTV D6) phải có trách nhiệm bảo quản xe, chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông T12 nếu để xe ô tô mất mát, hư hỏng; ngày 28/8/2020 Công ty TNHH MTV D6 do ông Đoàn Minh T13, chức vụ giám đốc của Công ty ký hợp đồng cho thuê xe ô tô tự lái với các bị cáo. Do đó, bị hại là Công ty TNHH MTV D6; ông Trương Phú T12 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

- Thứ hai: Về bị hại nhận cầm cố là ông Phạm Anh T14, sinh năm 1976, trú tại B N, Phường I, thành phố Đ đã bị các bị can sử dụng giấy tờ giả để ông T14 tin là xe của chính các bị can nên nhận cầm cố 01 xe ô tô hiệu Chevrolet mang biển kiểm soát 49A-258.38 với số tiền 170.000.000 đồng và 01 xe ô tô hiệu Ford Everst, biển số 61A-616.92 với số tiền 400.000.000 đồng.

Tuy nhiên, tại bút lục từ 01-04 ông Phạm Anh T14 trình bày: Ông T14 chỉ là nhân viên của dịch vụ cầm đồ Thượng tại B N, Phường I, thành phố Đ; chủ tiệm cầm đồ Thượng là ông Trần Quốc T15, sinh năm 1975, trú tại B N, Phường I, thành phố Đ; tại bút lục số 13 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là ông Trần Quốc T15, tại biên bản làm việc ngày 25/9/2020 (bút lục 177-178) ông Trần Quốc T15 trình bày ông là chủ của tiệm cầm đồ T15, ông đã nhận cầm cố 01 xe ô tô hiệu Chevrolet mang biển kiểm soát 49A-258.38 với số tiền 170.000.000 đồng và 01 xe ô tô hiệu Ford Everst, biển số 61A-616.92 với số tiền 400.000.000 đồng. Do đó, ông Trần Quốc T15 là bị hại trong vụ án.

Do vậy, cần phải trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng để xác định lại người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án cho đúng quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Trả hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2021 đối với bị can: **Bùi Văn T8**, sinh năm 1997 tại Quảng Ngãi; nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn P, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Làm nông và đồng phạm.

Các bị can Bùi Văn T8, Nguyễn Thanh T9, Lô Văn D5 bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng truy tố về các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng để điều tra bổ sung các vấn đề đã nêu ở trên./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (kèm hồ sơ);
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

THẨM PHÁN**Nguyễn Duy Hoài**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/2021/HSST-QĐ

Lâm Đồng, ngày 05 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH**TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG****TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

Căn cứ vào Điều 45, 277 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 56/2020/HS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2020;

Xét thấy: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng có Công văn số: 375/CV-VKS ngày 03 tháng 12 năm 2020 về việc xin rút hồ sơ vụ án.

QUYẾT ĐỊNH:

Trả hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 56/2020/HS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo Hồ X, sinh năm 1964 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi ĐKKHKT và cư trú: 9 Đ, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, nghề nghiệp: Lái xe và đồng phạm;

Cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Để điều tra bổ sung những vấn đề sau: Điều tra, làm rõ những nội dung theo Công văn số: 375/CV-VKS ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh
- (kèm hồ sơ vụ án);
- Lưu Hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

- Lưu Toà án.

Nguyễn Văn Bình

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/2020/HSST-QĐ

Lâm Đồng, ngày 04 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ vào Điều 45, 277 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 56/2020/HS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2020;

Xét thấy: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng có Công văn số: 375/CV-VKS ngày 03 tháng 12 năm 2020 về việc xin rút hồ sơ vụ án.

QUYẾT ĐỊNH:

Trả hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 56/2020/HS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo Hồ X, sinh năm 1964 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi ĐKKHKT và cư trú: 9 Đ, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, nghề nghiệp: Lái xe và đồng phạm;

Cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Để điều tra bổ sung những vấn đề sau: Điều tra, làm rõ những nội dung theo Công văn số: 375/CV-VKS ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh
- (kèm hồ sơ vụ án);
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu Toà án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Bình

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/2020/HSST-QĐ

Lâm Đồng, ngày 30 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy H6

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn B2

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quốc Hợp

2. Bà Đinh Thị Minh

3. Bà Nguyễn Thị Phương Thảo

Căn cứ vào Điều 280 và Điều 299 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào phần xét hỏi tại phiên tòa;

Xét thấy; tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Phước C khai: Mẹ bị cáo tên là Trần Thị Bạch T16, tuy nhiên lý lịch bị can và yêu cầu trích lục tiền án, tiền sự ghi mẹ bị cáo là Trần Thị Bích T17.

Ngoài ra, bị cáo khai tại phiên tòa rằng, quá trình điều tra bị cáo đã khai gia đình bị cáo có 07 anh chị em nhưng Cơ quan cảnh sát điều tra chỉ ghi lý lịch bị cáo có 03 anh chị em.

Các anh, chị em của bị cáo gồm:

1. Anh: Nguyễn Phước L7, sinh năm: Không rõ; địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Anh: Nguyễn Phước L7, sinh năm: Không rõ; địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. Anh: Nguyễn Phước T18, sinh năm: Không rõ; địa chỉ: không rõ số nhà, tên đường, phường; chỉ biết ở Thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

4. Anh: Nguyễn Phước H7, sinh năm: Không rõ; địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

5. Chị Nguyễn Thị Tuyết L8, sinh năm 1973; địa chỉ: B P, phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Bị cáo Nguyễn Phước C, sinh ngày 1976

7. Em: Nguyễn Thị Tuyết M2, sinh năm: Không rõ; địa chỉ: chỉ biết hiện đang sống ở Đài Loan.

Bị cáo khai bị bắt ngày 26/11/2020 tại ấp R, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang; khi bị bắt có lập biên bản thu giữ của bị cáo 01 Chứng minh nhân dân mang tên bị cáo, 01 điện thoại di động và cục sạc pin điện thoại; 01 xe máy Wave Biển kiểm soát 63B-383.78 và giấy đăng ký xe, khi bắt bị cáo có sự chứng kiến của Công an xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang nhưng tại hồ sơ chỉ thể hiện thu giữ 01 xe máy Wave Biển kiểm soát 63B-383.78 của bị cáo không thể hiện các tài liệu, đồ vật thu giữ nêu trên; đến ngày 28/11/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra chuyển tạm giam bị cáo tại Trại giam Công an tỉnh L nhưng trong Biên bản bắt bị cáo thể hiện ngày 28/11/2020.

Ông Đoàn Văn X1, sinh năm 1953 là bố của bị hại chị Đoàn Thị Huỳnh G, tại phiên tòa ông X1 khai từ khi con gái ông mất, ông không được Cơ quan cảnh sát điều tra triệu tập, làm việc với tư cách là đại diện hợp pháp của người bị hại.

QUYẾT ĐỊNH:

Trả hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2020/TLST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo **Nguyễn Phước C**, sinh năm 1976, tại Tiền Giang; nơi ĐKNKTT và cư trú: Ấp V, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Làm thuê

Bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng truy tố về tội “Giết người” và “Cướp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 123 và khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự.

Cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Để điều tra bổ sung những vấn đề sau đây:

1. Làm rõ lý lịch bị cáo, quan hệ nhân thân, cha mẹ, anh chị em.
2. Làm rõ các tài sản đã thu giữ của bị cáo Nguyễn Phước C.
3. Làm rõ ngày bắt bị cáo Nguyễn Phước C.
4. Làm rõ những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của người bị hại và cử người tham gia tố tụng theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (kèm hồ sơ);
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Duy Hoài

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2020/HSST-QĐ

Lâm Đồng, ngày 18 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy H6

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn B2

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Dũng

2. Ông Chu Minh Chiến

3. Bà Phùng Thị Hoài Phương

Căn cứ vào Điều 280 và Điều 299 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào phân xét hỏi tại phiên tòa;

Xét thấy; tại phiên tòa bị cáo Cù Duy L9 khai không nói cho bị cáo Hà Văn T19 chở bị cáo quay lại để trộm cắp chiếc xe Honda SH Mode, biển kiểm soát 49H1- 261.89 màu đỏ-đen; Số máy: JF51E0340579; Số khung: 5115FY212412 (Vụ số 01 tại huyện B), bị cáo Hà Văn T19 cho rằng L9 không nói bị cáo chở L9 quay lại để trộm xe, bị cáo L9 chỉ nói quay lại đây chút, bị cáo chỉ chở bị cáo L9 quay lại, L9 xuống xe và thấy L9 dắt chiếc xe ra và chạy đi, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” là oan sai cho bị cáo.

Tại vụ trộm số 07 tại địa bàn thành phố B các bị cáo L9, K trộm cắp chiếc xe Exciter, màu sơn đen – bạc, biển kiểm soát 38K2- 6429; số khung 014957; số máy: 014922 và vụ trộm số 01 tại địa bàn huyện D các bị cáo L9 và K trộm cắp xe Yamaha Sirius, sơn màu đen, biển kiểm soát 49G1- 280.08 và giao 02 xe trên cho bị cáo H2 sử dụng và bán lại, bị cáo H2 thừa nhận biết các bị cáo L9 và K trộm cắp mà có nên hành vi của bị cáo H2 phạm tội “*Chứa chấp và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Bị cáo Lê Anh K3 khai khi bị Công an thành phố B bắt giữ có thu tài sản của bị cáo gồm 01 điện thoại Iphone 6 Plus màu bạc; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280; 02 nhẫn vàng tây 18K; một sợi dây chuyền bạc; 4 triệu đồng tiền mặt và 01

cái ví da nhưng Công an thành phố B không lập biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu để lưu vào hồ sơ vụ án để giải quyết.

Bị cáo Đồng Mạnh H8 khai khi làm việc tại Công an thị trấn Đ Công an có thu giữ của bị cáo 01 điện thoại di động trắng – đen không nhớ của hãng nào và 01 ví da bên trong có 01 Chứng minh nhân dân và 300.000đ Công an đã lập biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu, nhưng hiện nay Cáo trạng không thấy đề cập giải quyết.

QUYẾT ĐỊNH:

Trả hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2020/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo **Cù Duy L9**, sinh năm 1988, tại Lâm Đồng. Nơi ĐKNKTT và cư trú: Thôn A, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Nghề nghiệp: Không; cùng các đồng phạm.

Các bị cáo bị truy tố tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo Cù Duy L9 bị truy tố theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo Lê Anh K3 bị truy tố theo điểm a, khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015; bị cáo Đồng Mạnh H8 bị truy tố theo điểm c, khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 và truy tố Hà Văn T19 bị truy tố theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015.

Cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Đề điều tra bổ sung những vấn đề sau đây:

1. Làm rõ hành vi đồng phạm của bị cáo Hà Văn T19 trong lần trộm cắp chiếc xe cùng với bị cáo Cù Duy L9 tại vụ số 01 huyện B, Lâm Đồng?

2. Làm rõ hành vi “Chứa chấp và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của bị cáo Đồng Mạnh H8 ở các lần các bị cáo Cù Duy L9 và Lê Anh K3 trộm cắp tại vụ trộm số 07 tại địa bàn thành phố B trộm cắp chiếc xe Exciter, màu sơn đen – bạc, biển kiểm soát 38K2- 6429; số khung 014957; số máy: 014922 và vụ trộm số 01 tại địa bàn huyện D các bị cáo L9 và K3 trộm cắp xe Yamaha Sirius, sơn màu đen, biển kiểm soát 49G1- 280.08

3. Làm rõ các tài sản đã thu giữ theo lời khai của các bị cáo Lê Anh K3, Đồng Mạnh H8.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (kèm hồ sơ vụ án);
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Duy Hoài

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2019/HSST-QĐ

Lâm Đồng, ngày 16 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ vào Điều 45, 277 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2019/HS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019;

Xét thấy: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng có Công văn số: 11/CV-VKS ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc xin rút hồ sơ vụ án.

QUYẾT ĐỊNH:

Trả hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2019/HS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo Bạch Đình K4 và đồng phạm; sinh năm 1981 tại tỉnh Lâm Đồng, nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng, nghề nghiệp: Làm vườn.

Cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Để điều tra bổ sung những vấn đề sau: Làm rõ nội dung theo Công văn số: 11/CV-VKS ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh
(kèm hồ sơ vụ án);
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu Toà án.

THẨM PHÁN**Nguyễn Kim Đồng****TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2017/HSST-QĐ

*Lâm Đồng, ngày 24 tháng 5 năm 2017***QUYẾT ĐỊNH****TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Minh H9*Thẩm phán:-* Ông Võ Đình N2*Các Hội thẩm nhân dân:-* Ông Trần Minh Châu*- Ông Nguyễn Trung Dũng**- Bà Ka Brép*

Căn cứ vào Điều 179 và Điều 199 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào phần xét hỏi tại phiên tòa và Biên bản hội ý của Hội đồng xét xử tại phiên tòa hình sự sơ thẩm ngày 24 /5 /2017;

XÉT THẤY

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thành Đ1 không đồng ý bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo về tội “giết người”. Bị cáo kêu oan và khai như sau:

Bị cáo thừa nhận có quan hệ tình cảm với bị cáo H9 nhưng do bị cáo bị bắt về hành vi trộm cắp ở huyện D nên giữa bị cáo với bị cáo H9 có gián đoạn một thời gian. Ngày 05/12/2016 bị cáo được Công an huyện D cho tại ngoại, bị cáo về có nhắn tin muốn gặp bị cáo H9 nhưng bị cáo H9 không chịu gặp nên bị cáo có đến nhà của vợ chồng bị cáo H9 và ngồi ngoài sân chờ, bị cáo có nhắn tin nói bị cáo H9 không về gặp bị cáo thì bị cáo sẽ đốt nhà nhưng bị cáo H9 cũng không về gặp bị cáo, bị cáo thừa nhận có nói câu “anh không có được em thì không thắng

nào có được em” nhưng nói một cách băng quơ vì bức tức do bị cáo H9 không chịu gặp bị cáo chứ không có ý thức đe dọa, những nội dung này bị cáo nói trước khi vụ án xảy ra một thời gian.

Ngày 14/12/2016 bị cáo vào xã L mục đích là đi đá gà, bị cáo có gọi điện cho anh H10 và được biết anh H10 đang ở trong vườn cà phê, bị cáo có rủ anh H10 nhậu thì anh H10 đồng ý và nói bị cáo mua mỗi vào nên bị cáo có mua một con gà đi đến chòi anh H10, tại chòi của anh H10 bị cáo làm gà nhưng do dao nhà anh H10 không cắt được gà nên bị cáo có trong cốp xe một con dao thái lan bị cáo để trong cốp xe từ lâu, bị cáo lấy con dao vào chòi cắt cổ gà và để lại chòi anh H10, tối hôm 14/12/2016 bị cáo nhậu với anh H10 tại chòi nhà anh H10. Sáng hôm sau, tức ngày 15/12/2016 bị cáo phụ giúp vợ chồng anh H10 phơi cà phê. Tối ngày 15/12/2016 anh T20 có vườn gần chòi anh H10 có gọi bị cáo và anh H10 qua nhậu, sau khi nhậu ở nhà anh T20 xong thì bị cáo chở anh H10 và con trai anh H10 về chòi anh H10. Trên đường về, anh H10 có hỏi bị cáo có quan hệ thế nào với vợ anh H10 thì bị cáo chối và nói không có quan hệ gì, sau khi chở anh H10 và con trai anh H10 về tới chòi thì anh H10 và con trai anh H10 vào chòi thì bị cáo chạy xe về nhà bị cáo ở xã L. Trên đường đi về nhà thì bị cáo H9 gọi điện cho bị cáo, bị cáo nghe điện thoại chị H9 khóc rất nhiều trong điện thoại và nói bị cáo quay lại nên bị cáo quay lại, khi vào lại chòi thì thấy chị H9 đang khóc rất nhiều còn anh H10 đã bị đâm máu chảy nhiều, anh H10 nằm ngửa, chị H9 kể lại cho bị cáo nghe với nội dung sau: “sau khi bị cáo đi thì anh H10 tra hỏi chị H9 về mối quan hệ giữa chị H9 và bị cáo, chị H9 nói không có quan hệ gì thì anh H10 cầm con dao thái lan (dao của bị cáo cắt cổ gà để lại) đe dọa chị H9. Giữa anh H10 và chị H9 lời qua tiếng lại, lúc này anh H10 và chị H9 cùng ngồi tại giường ngủ vì chị H9 không nhận có quan hệ tình cảm với bị cáo nên anh H10 bước xuống giường với mục đích lấy điện thoại của anh H10 để trên bàn để gọi cho bị cáo quay lại làm rõ mối quan hệ giữa bị cáo với chị H9. Khi anh H10 bước xuống giường thì chị H9 dùng chân đạp từ phía sau người anh H10 làm anh H10 ngã úp xuống đất, do anh H10 đang cầm dao trên tay nên dao đâm vào người anh H10”. Khi nghe chị H9 kể lại sự việc, do có tình cảm với chị H9 nên bị cáo sợ gia đình anh H10 nghĩ chị H9 giết anh H10 nên bị cáo bàn với chị H9 phải chôn, giấu xác anh H10 trước để che giấu, nên bị cáo một mình lấy mền quần xác anh H10 rồi đưa ra vườn đào hố chôn anh H10, sau khi chôn anh H10 bị cáo quay vào lau chùi dấu vết máu trên nền nhà và nệm, quay phần nệm có dính máu vào bên trong vách nhưng sau khi về nhà suy nghĩ sợ bị phát hiện nên bị cáo có gọi điện cho chị H9 báo với chị H9 sẽ đem xác anh H10 ra Lộc An chôn vì ở L có vườn cà phê của ông B3 ở xa, ít người qua lại, khó bị phát hiện, bị cáo quay vào đào xác anh H10 bỏ vào bao chở bằng xe máy ra L chôn.

Bị cáo trình bày tại phiên tòa, những lời khai có trong hồ sơ là do bị cáo tự khai không bị ai ép buộc nhưng vì bị cáo có tình cảm với chị H9 nên bị cáo tự nghĩ ra để khai nhưng trong buồng giam, bị cáo có kể lại cho các phạm nhân cùng phòng nghe sự thật bị cáo không giết anh H10 thì các phạm nhân nói phải khai đúng sự thật chứ tội giết người án nặng lắm, khi nhận bản cáo trạng bị cáo thấy

hình phạt nặng nên chờ ra Tòa khai đúng sự thật. Bị cáo khẳng định không giết anh H10.

Hồ sơ cũng chưa xác minh tình trạng quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng bị cáo H9 với người bị hại trong thời gian chung sống như thế nào, có mâu thuẫn gì không?

Tại phiên tòa bị cáo đã thay đổi toàn bộ lời khai không thừa nhận là người giết chết anh H10. Những nội dung trên Hội đồng xét xử không thể làm rõ tại phiên tòa. Để đảm bảo xét xử đúng người, đúng tội, nên cần trả hồ sơ điều tra bổ sung .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Trả hồ sơ vụ án hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thành Đ1 bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng truy tố về tội “giết người” theo Điểm q Khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự.

Cho: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng để giải quyết theo thẩm quyền.

Nơi nhận:

- VKS (kèm hồ sơ vụ án);
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Minh Hương